



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện

Ngày 31/12/2025	34,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.6%	31.8%	42.3%

DT thuần Q4/25
223
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.0 23.3%
YoY: ▲ 1.00 0.5%

LN thuần Q4/25
0
tỷ VNĐ

LN sau thuế Q4/25
22.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 22.1
YoY: ▲ 14.6 195%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
205%
YoY: +/-▼ 72.5%

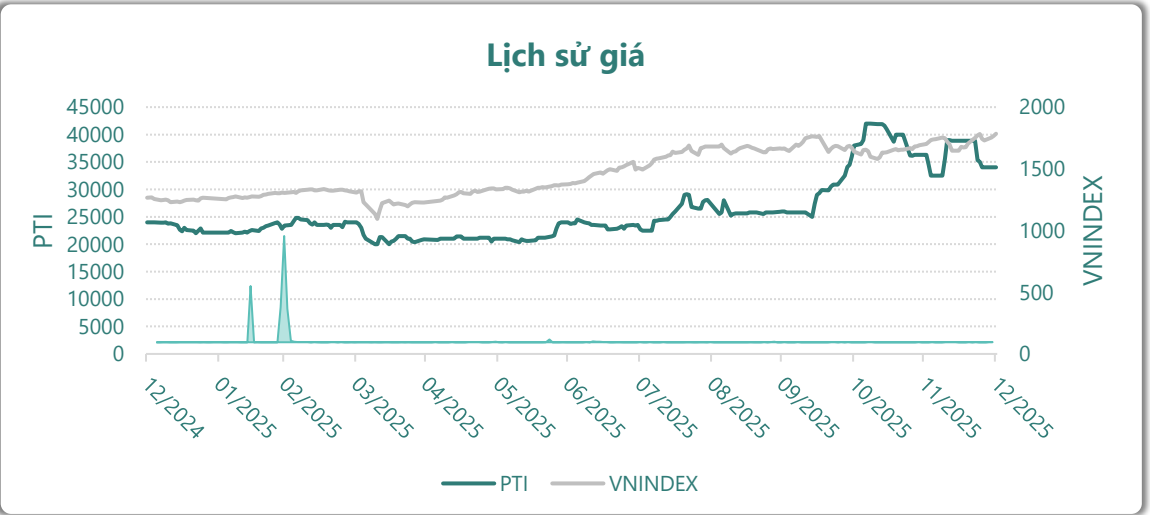
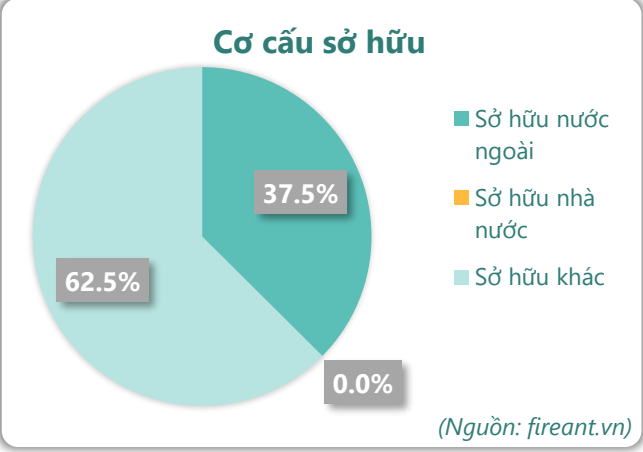
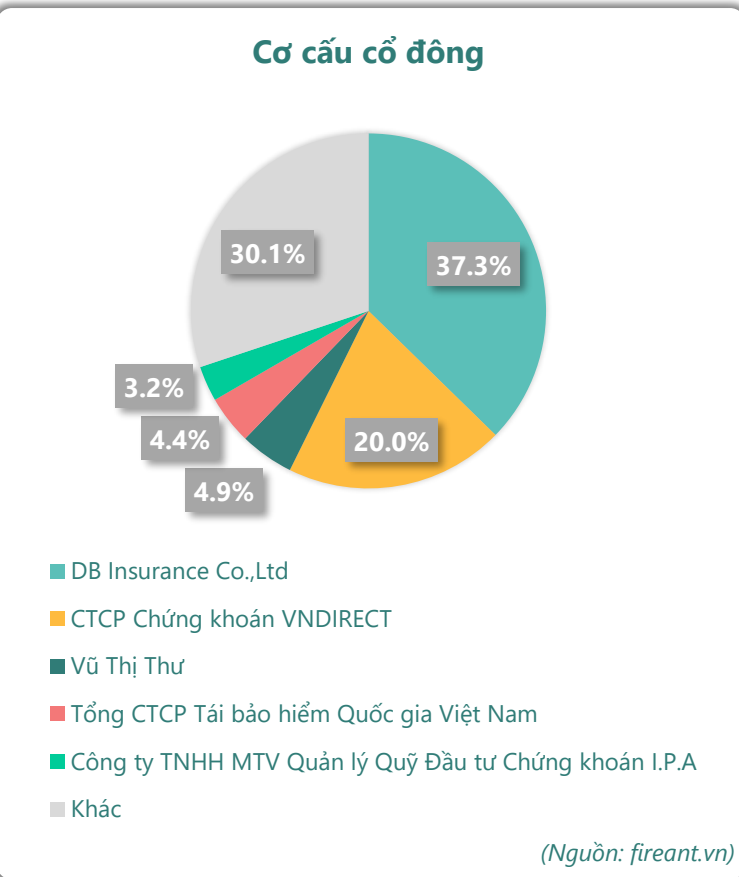
ROE 2025

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,000 - 42,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
Số lượng CPLH (CP)	
KLGD BQ 20 phiên (CP)	375
Sở hữu nước ngoài	37.5%
Beta	0.34
EPS	
P/E	

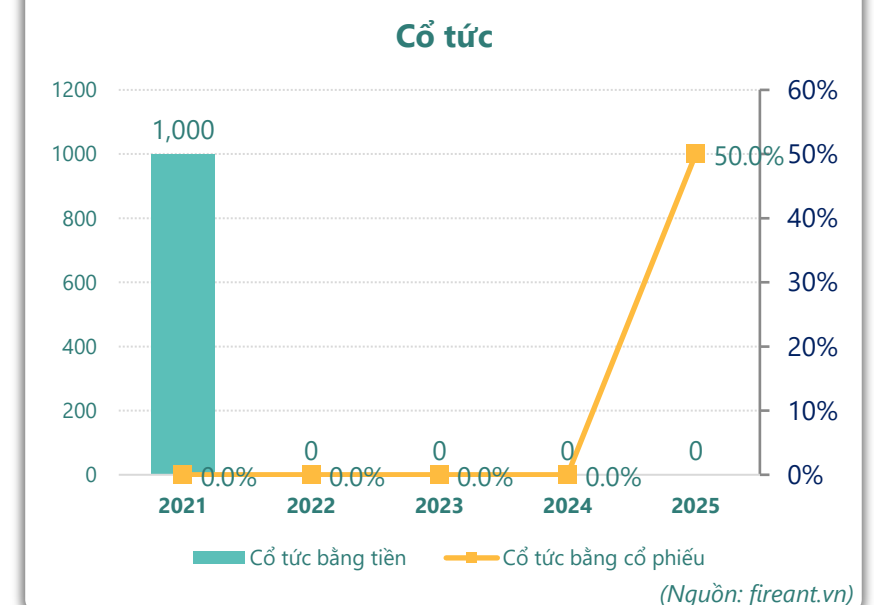
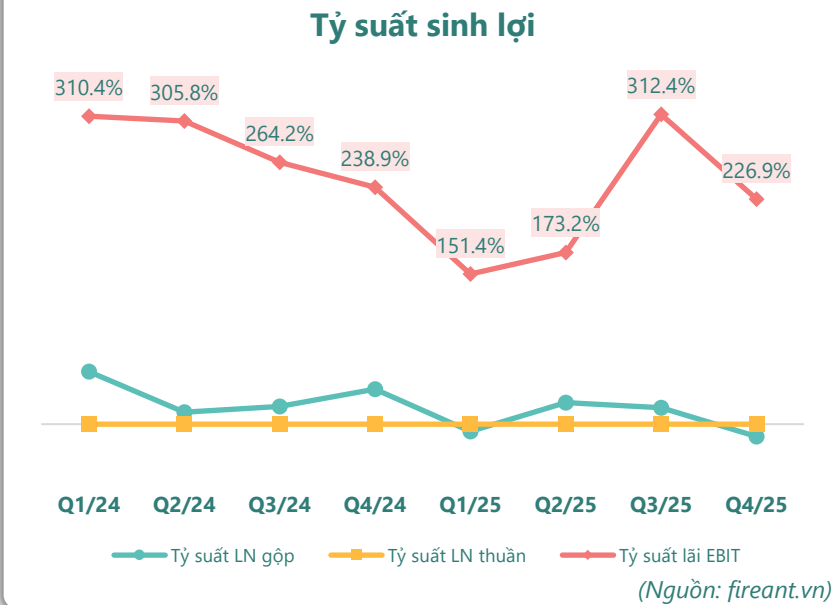
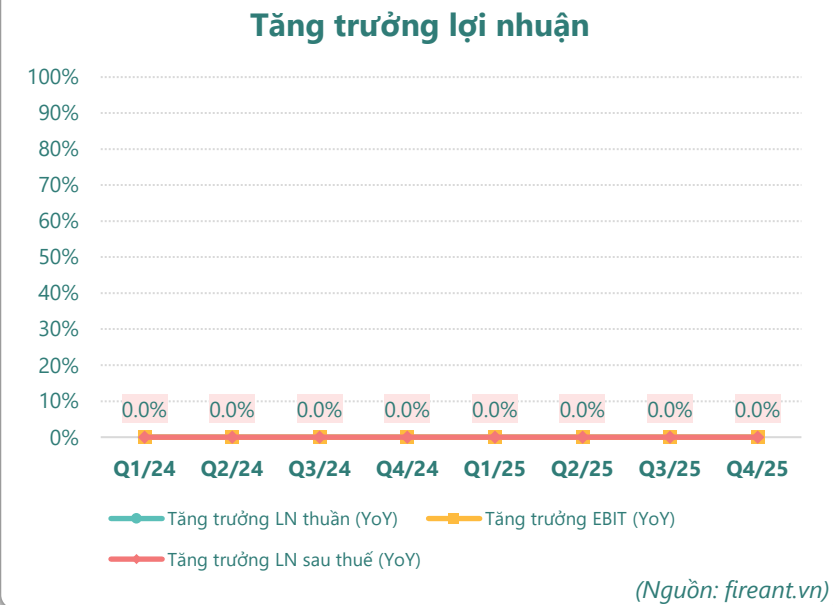
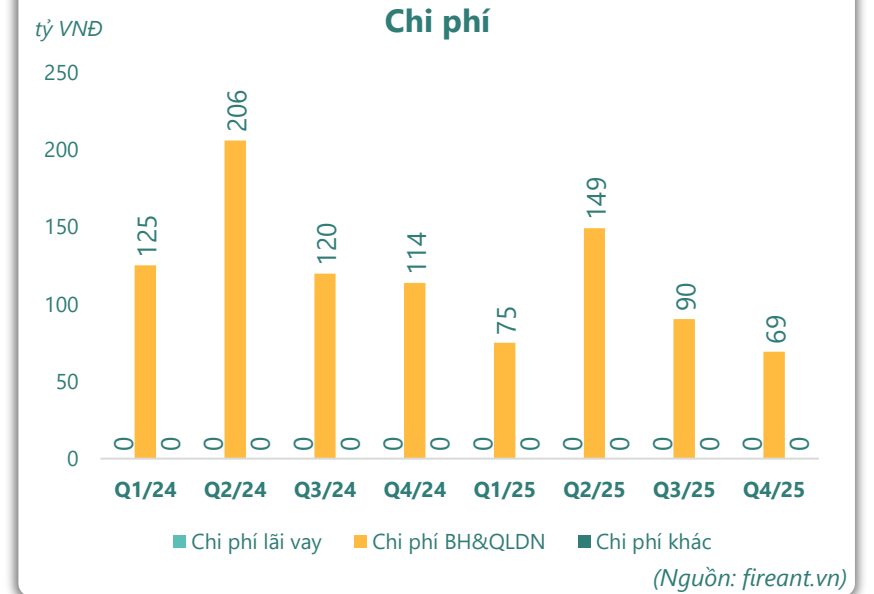
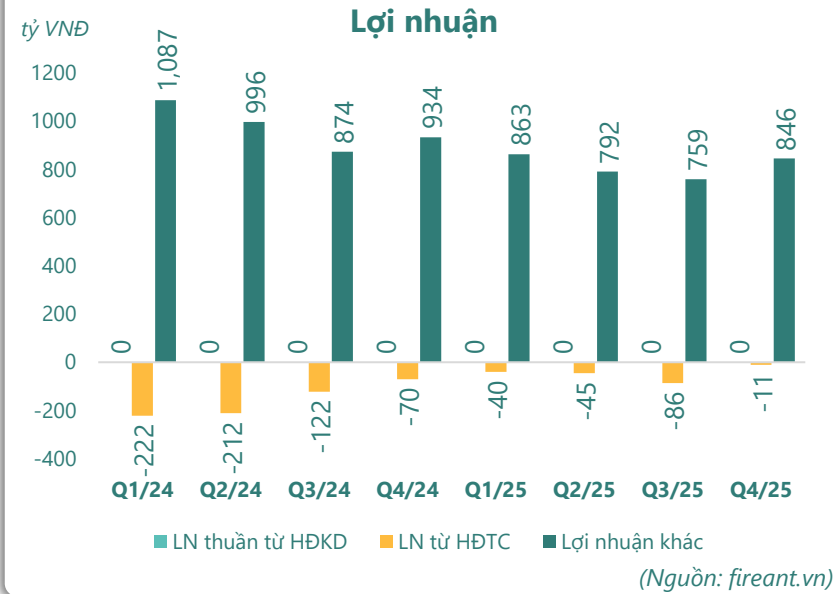
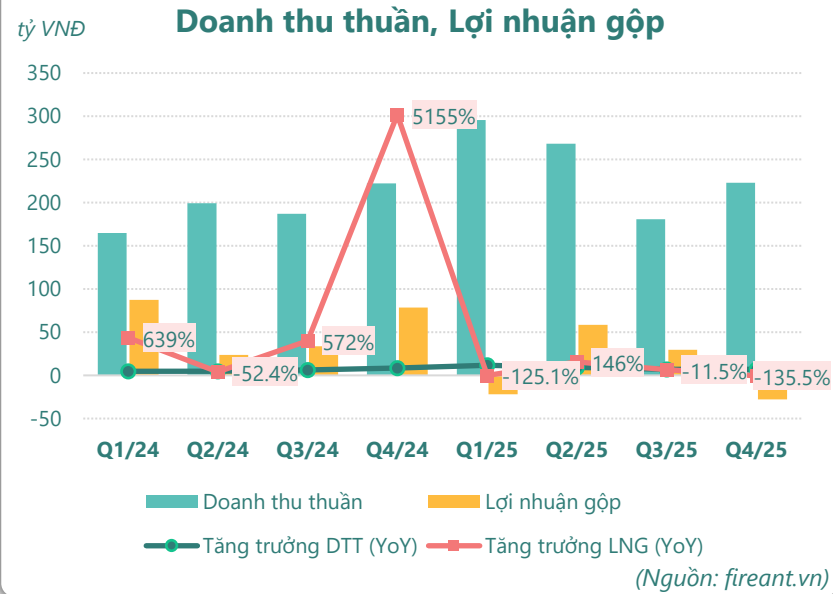
DT thuần 2025
967
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 193 25.1%

LN thuần 2025
0
tỷ VNĐ

LN sau thuế 2025
22.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.20 -12.6%



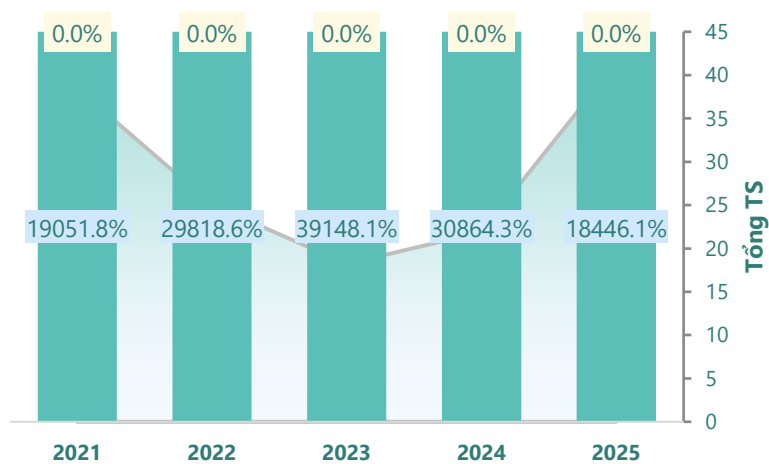
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

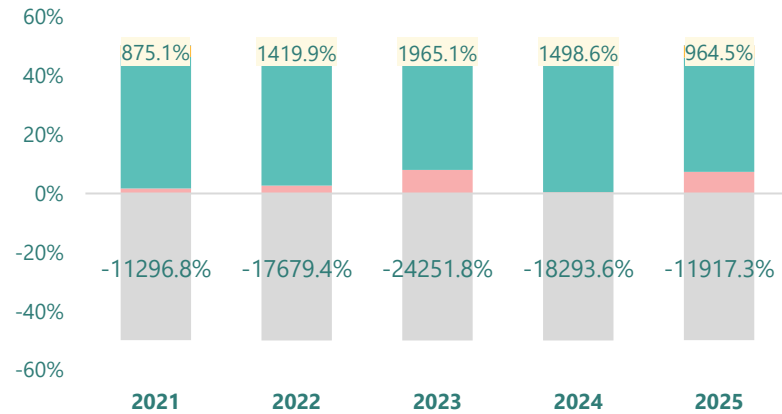
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

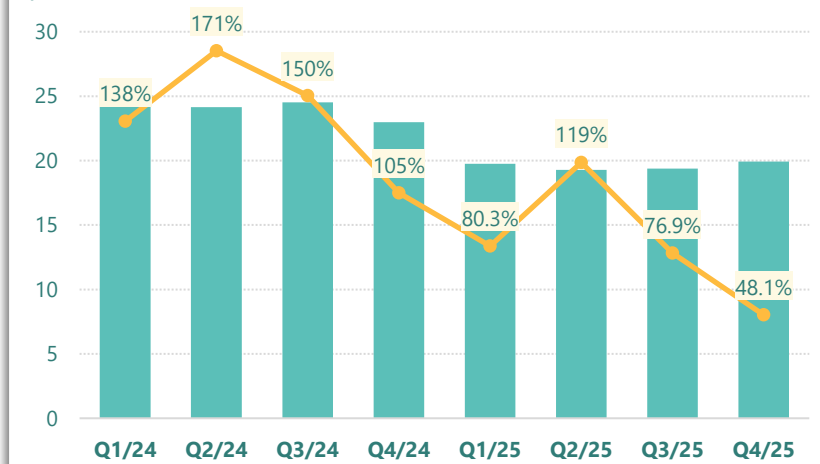


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

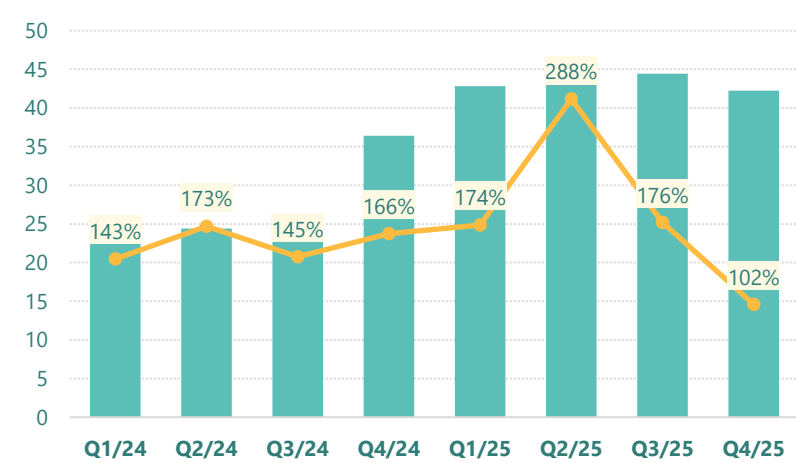


■ Tài sản cố định ■ TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

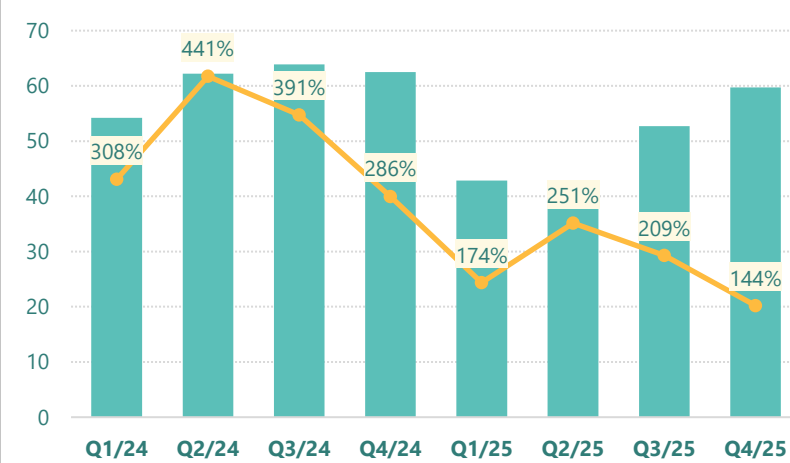


■ Tài sản dở dang ■ TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

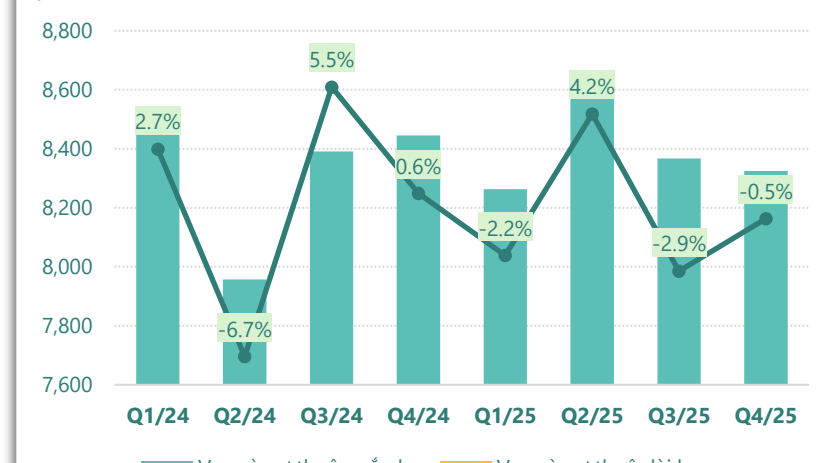


■ Đầu tư tài chính dài hạn ■ ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

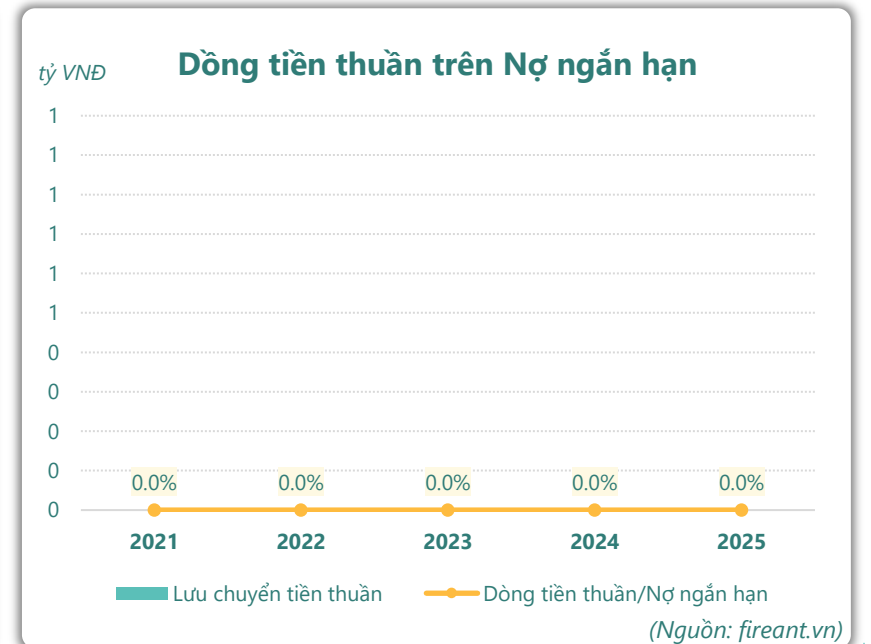
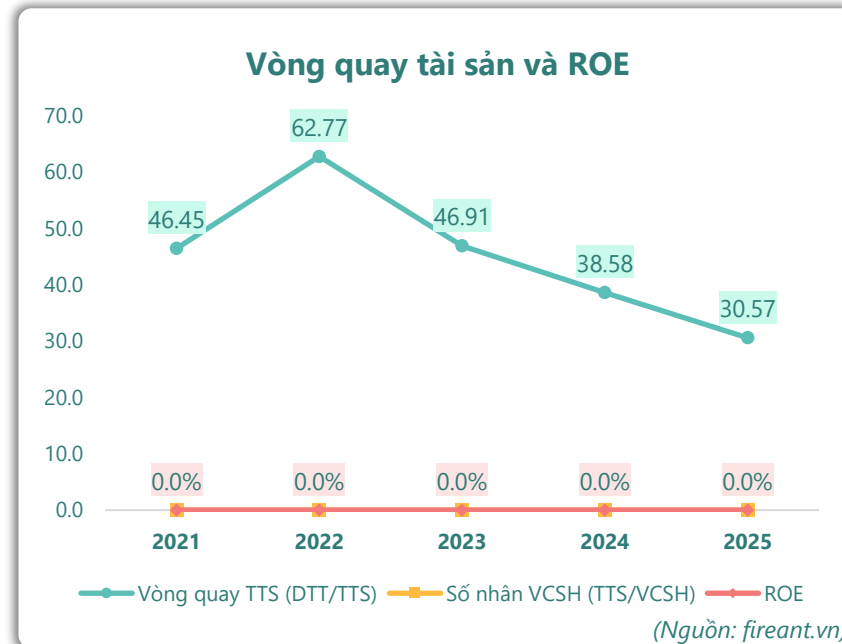
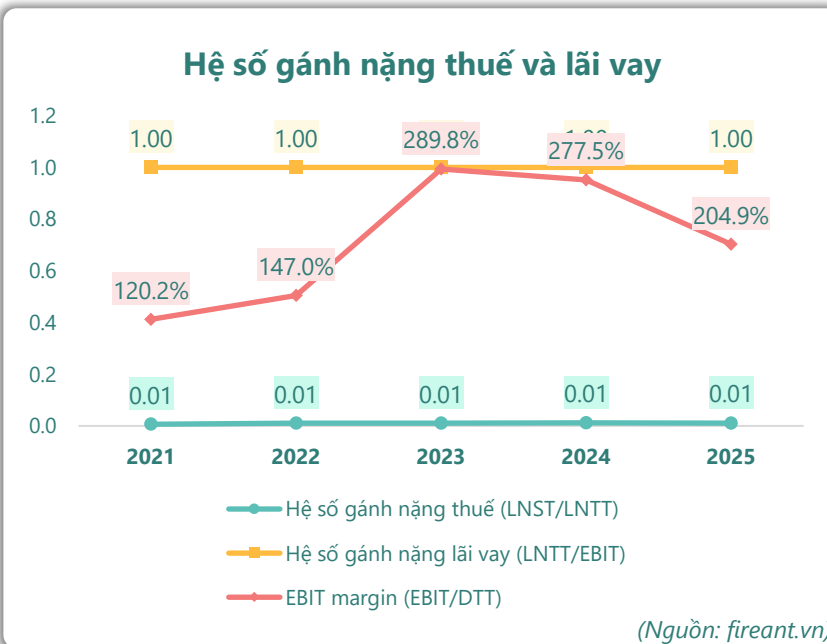
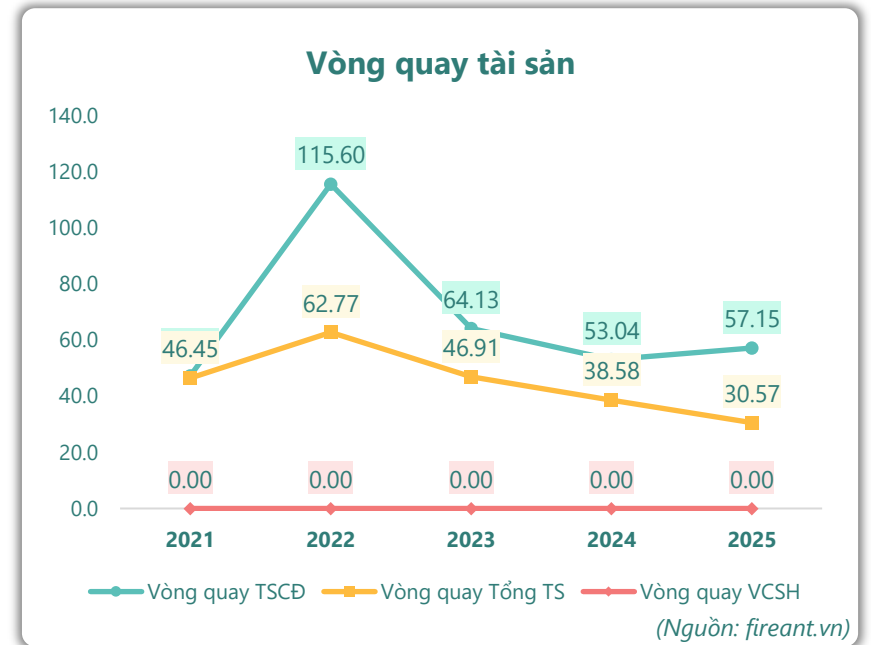
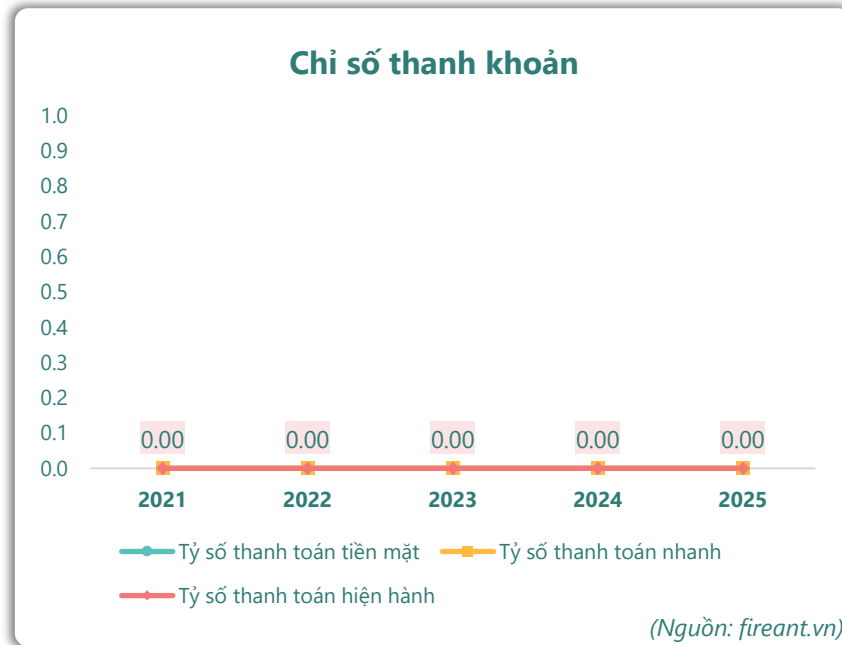
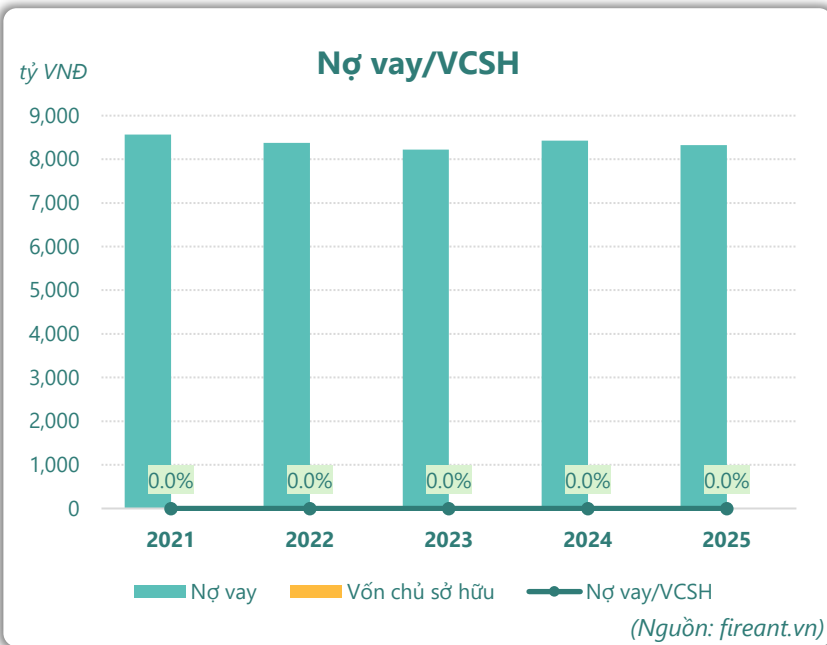


■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

■ Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	223	222	0.5%	967	774	25.1%
Giá vốn hàng bán	262	214	22.4%	1,111	1,177	-5.6%
Lợi nhuận gộp	-27.8	78.4	-135%	38.4	223	-82.8%
Doanh thu HĐTC	-10.9	-70.0	84.5%	-182	-626	71.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	56.5	71.8	-21.3%	272	361	-24.5%
Chi phí QLDN	12.9	42.1	-69.3%	113	205	-45.2%
LN thuần từ HĐKD	0	0.00		0	0	
Lợi nhuận khác	846	934	-9.5%	3,259	3,891	-16.2%
LN trước thuế	506	531	-4.6%	1,983	2,146	-7.6%
Lợi nhuận sau thuế	22.1	7.48	195%	22.1	25.3	-12.6%
LNST của CĐ cty mẹ	355	417	-14.8%	1,313	1,571	-16.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	745	59.4	30.4	163	334	194
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	59.4	18.8	163	334	194	730

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	41.4	21.9	89.1%
Tài sản ngắn hạn	7,636	6,756	13.0%
Tiền và tương đương tiền	730	30.4	2303%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	3,844	3,667	4.8%
Hàng tồn kho	399	328	21.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	0.63	43.9%
Tài sản dài hạn	0	0	
Phải thu dài hạn	4.88	5.86	-16.7%
Tài sản cố định	19.9	13.9	43.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	42.3	44.8	-5.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	59.7	62.5	-4.4%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	41.4	21.9	89.0%
Nợ phải trả	0	0	
Nợ ngắn hạn	0	0	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8,325	8,424	-1.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	5,654	6,038	-6.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	2,668	2,382	12.0%
Kinh phí và quỹ khác	9.59	0.04	21950%

(Nguồn: fireant.vn)

